

Số: 51 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1091/TTr-STC ngày 18 tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp lệ phí:

Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật (trừ các trường hợp được miễn lệ phí hộ tịch quy định tại khoản 3 Điều này).

2. Cơ quan thu lệ phí:

a) Sở Tư pháp (thu lệ phí đối với thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Các trường hợp được miễn lệ phí hộ tịch:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

4. Mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang:

| STT | Công việc thực hiện | Đơn vị tính | Mức thu |
|------------|---|--------------------|----------------|
| I | Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã | | |
| 1 | Đăng ký Khai sinh | đồng/trường hợp | 8.000 |
| 2 | Đăng ký Khai tử | đồng/trường hợp | 8.000 |
| 3 | Đăng ký Kết hôn | đồng/trường hợp | 30.000 |
| 4 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | đồng/trường hợp | 15.000 |
| 5 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | đồng/bản sao | 3.000 |
| 6 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch | đồng/trường hợp | 15.000 |
| 7 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | đồng/trường hợp | 15.000 |
| 8 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | đồng/trường hợp | 8.000 |
| 9 | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác | đồng/trường hợp | 8.000 |
| II | Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | | |
| 1 | Đăng ký Khai sinh | đồng/trường hợp | 75.000 |
| 2 | Đăng ký Khai tử | đồng/trường hợp | 75.000 |

| STT | Công việc thực hiện | Đơn vị tính | Mức thu |
|------------|---|-----------------|-----------|
| 3 | Đăng ký Kết hôn | đồng/trường hợp | 1.500.000 |
| 4 | Đăng ký Giám hộ | đồng/trường hợp | 75.000 |
| 5 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | đồng/trường hợp | 1.500.000 |
| 6 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | đồng/bản sao | 8.000 |
| 7 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc | đồng/trường hợp | 28.000 |
| 8 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | đồng/trường hợp | 75.000 |
| 9 | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác. | đồng/trường hợp | 75.000 |
| III | Đôi với thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch của Sở Tư pháp | | |
| 1 | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp xã | đồng/bản sao | 3.000 |
| 2 | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp huyện | đồng/bản sao | 8.000 |

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí:

a) Lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thực hiện thu lệ phí phải nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Chứng từ thu, chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch thực hiện theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ, Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính, Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp:

a) Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

- b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch.
- c) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định.
- d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch theo thẩm quyền.
- đ) Định kỳ tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch.
- e) Tổng hợp tình hình và thông kê hộ tịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.
- g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

2. Sở Tài chính:

Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Cục Thuế tỉnh:

Bảo đảm chứng từ phục vụ cho công tác thu của cơ quan thu lệ phí; hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán lệ phí theo quy định; đồng thời kiểm tra, thanh tra theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

Hướng dẫn cơ quan thu lệ phí các thủ tục liên quan đến việc mở tài khoản, nộp và quản lý lệ phí thu được theo quy định.

5. Cơ quan thu lệ phí có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thu, nộp lệ phí hộ tịch theo đúng Quyết định này, niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu lệ phí tại địa điểm thu, khi thu lệ phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.
- b) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền lệ phí theo chế độ hiện hành.
- c) Thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch.
- d) Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp trên, bố trí công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch.
- đ) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch.
- e) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; Lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định.
- g) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định.

h) Tổng hợp tình hình và thông kê hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HỒND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & Trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung